Lesson Sheet

A2 · Week 2 · Session 3 · a2-w02-s3 · v1 draft

Role-Playing a Weekend Market Stall

• Học sinh có thể tự tin đóng vai người bán và người mua, thực hiện giao tiếp mua sắm cơ bản tại chợ phiên cuối tuần.

• Học sinh sử dụng chính xác lượng từ 'a few' (với danh từ đếm được) và 'a little' (với danh từ không đếm được).

Grammar: Quantifiers for Small Quantities: 'A Few' vs 'A Little'

'A few' đi kèm với danh từ đếm được số nhiều mang nghĩa 'một vài, một ít' (đủ dùng, sắc thái tích cực). 'A little' đi kèm với danh từ không đếm được mang nghĩa 'một chút, một ít' (đủ dùng). Cả hai cụm từ này đều giúp diễn đạt số lượng nhỏ vừa phải trong mua sắm và nấu ăn.

a few + Plural Countable Noun (a few lemons, a few coins) | a little + Uncountable Noun (a little milk, a little sugar)

Khởi động và tìm hiểu từ vựng chợ phiên · 10 phút
Học sinh khám phá hình ảnh quầy chợ truyền thống, học các từ vựng mới (stall, vendor, barter, change) qua thẻ hình ảnh.

Ngữ pháp A few / A little & Đọc hiểu · 15 phút
Học sinh thực hành phân loại danh từ đi với 'a few' và 'a little', đọc bài về chợ Green Valley và hoàn thành câu hỏi đọc hiểu.

Nghe hội thoại mua hàng & Đóng vai giao tiếp · 15 phút
Học sinh nghe băng mẫu mua bán tại chợ phiên, chia cặp đóng vai người mua và người bán thực hiện giao dịch.

Viết đoạn văn quầy chợ yêu thích & Làm trắc nghiệm · 10 phút
Học sinh viết đoạn văn 45-60 từ miêu tả quầy hàng yêu thích và hoàn thành 8 câu trắc nghiệm kiến thức.

Vocabulary Worksheet

A2 · Week 2 · Session 3 · a2-w02-s3 · v1 draft

Viết nghĩa tiếng Việt và một câu của riêng con cho từng từ.

stall /stɔːl/ (noun)
Nghĩa: _____
My sentence: _____

vendor /ˈvendə(r)/ (noun)
Nghĩa: _____
My sentence: _____

barter /ˈbɑːtə(r)/ (verb)
Nghĩa: _____
My sentence: _____

fresh /freʃ/ (adjective)
Nghĩa: _____
My sentence: _____

organic /ɔːˈgænɪk/ (adjective)
Nghĩa: _____
My sentence: _____

bag /bæg/ (noun)
Nghĩa: _____
My sentence: _____

change /tʃeɪndʒ/ (noun)
Nghĩa: _____
My sentence: _____

bargain /ˈbɑːgən/ (noun)
Nghĩa: _____
My sentence: _____

Grammar Worksheet

A2 · Week 2 · Session 3 · a2-w02-s3 · v1 draft

Quantifiers for Small Quantities: 'A Few' vs 'A Little'

a few + Plural Countable Noun (a few lemons, a few coins) | a little + Uncountable Noun (a little milk, a little sugar)

Choose the correct phrase: 'Can I have _____ ripe lemons, please?'
A. a few
B. a little
C. much

Choose the correct phrase: 'Please add _____ sugar to my tea.'
A. a few
B. a little
C. many

Vận dụng

Viết 5 câu của riêng con sử dụng cấu trúc vừa học.

Reading Worksheet

A2 · Week 2 · Session 3 · a2-w02-s3 · v1 draft

A Morning at Green Valley Weekend Market

Every Sunday morning, the village square turns into the Green Valley Farmer's Market. Local farmers set up wooden stalls with fresh vegetables, homemade jams, and organic honey. Sophie and her brother visit the fruit stall run by Mr Green. The stall is crowded with shoppers seeking healthy food. Sophie buys a few ripe peaches and a small basket of strawberries. Her brother asks the vendor for a little sample of wild berry jam on a cracker. The jam tastes sweet and fragrant. Sophie hands Mr Green a ten-pound note. Mr Green smiles warmly, puts the fruit into a reusable bag, and gives her three pounds in change. Shopping here is always a cheerful weekend experience.

What does Sophie buy at Mr Green's fruit stall?
A. A few ripe peaches and a small basket of strawberries
B. A bottle of organic milk and cheese
C. Fresh bread and chocolate cookies

How much change does Mr Green give back to Sophie?
A. Two pounds
B. Three pounds
C. Ten pounds

Viết một điều con nhớ từ bài đọc:

Listening Worksheet

A2 · Week 2 · Session 3 · a2-w02-s3 · v1 draft

At the Weekend Market Stall

Lần nghe 1: Nghe để xác định khách hàng đã mua những món gì tại quầy hàng của tiểu thương.
Lần nghe 2: Nghe số tiền khách hàng đã đưa và số tiền thừa người bán thối lại.

What does the customer want for their tea in the audio dialogue?
A. A few sweet oranges
B. A little fresh ginger
C. A bottle of cold milk

How much change does the vendor return in the listening dialogue?
A. Two dollars
B. Three dollars
C. Five dollars

Từ hoặc cụm từ con nghe được

Mở audio trên trang bài học. Transcript nằm trong Answer Key của phụ huynh.

Writing Worksheet

A2 · Week 2 · Session 3 · a2-w02-s3 · v1 draft

Write a short paragraph (40-70 words) describing your favorite market stall.

Độ dài tham khảo: 40–70 từ.

• Câu 1: Tên chợ và quầy hàng yêu thích của em.

• Câu 2: Các món hàng được bày bán (dùng a few hoặc a little).

• Câu 3: Lý do em thích mua sắm tại quầy hàng đó.

Checklist

¡Sử dụng đúng lượng từ 'a few' và 'a little'.

¡Có từ vựng liên quan đến chợ phiên (vendor, stall, fresh, organic).

¡Độ dài bài viết từ 40 đến 70 từ.

Speaking Card

A2 · Week 2 · Session 3 · a2-w02-s3 · v1 draft

Role-play a market transaction between a stall vendor and a customer.

What items would you sell if you had a market stall?

How do you ask for a few items politely in English?

Why is using reusable cloth bags better when shopping?

Bố mẹ quan sát

¡Phân biệt và sử dụng chính xác 'a few' và 'a little' trong các câu mua hàng.
¡Thực hiện hội thoại mua bán tự nhiên với lời chào, hỏi giá và cảm ơn lịch sự.

Từ vựng gợi ý

stall · vendor · barter · fresh · organic · bag · change · bargain